

Bài 111. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Sợ Hãi Phạm Tội | Sư Giác Nguyên giảng 22/08/2018

Nội dung kinh này là có một dư luận sai lạc về Đức Phật do tam sao thất bổn, người này nghe ba mớ kể lại cho người kia. Theo cách gọi của Việt Nam là chuyện gì cũng nghe một nửa, hiểu một phần tư và kể lại gấp đôi.

Cái phong cách này nó không chỉ riêng gì Việt Nam mà đã tồn tại trên thế giới từ nhiều ngàn năm trước. Cho nên mới có cái chuyện một ông Bà-la-môn đến gặp Phật.

Ông nói rằng ông từng nghe có người nói rằng Đức Thế Tôn phủ nhận vấn đề nghiệp báo thiện ác. Nghĩa là không có thiện ác gì hết, cứ làm thoải mái, thẳng cánh, không có để lại một quả báo gì. Quý vị tưởng tượng chuyện như vậy mà cũng có xảy ra. Tức là một người như Đức Thế Tôn vẫn bị người ta đồn thổi một cách sai lầm như vậy.

Đức Phật xác nhận rằng Ngài chưa từng gặp người mà có cái tên như vậy, thì nói gì là có câu nói như vậy cho người đó. Ngài nói rằng chính Ngài là người vẫn thường nói về bốn loại nghiệp sau đây:

1. Nghiệp thiện cho quả vui.
2. Nghiệp ác cho quả khổ.
3. Vừa thiện vừa ác thì cho quả vừa khổ vừa vui.
4. Nghiệp vô lậu, tức cũng là nghiệp thiện nhưng được thực hiện với lý tưởng chấm dứt thiện ác, buồn vui. Trường hợp này được xem là nghiệp không trắng, không đen.

Sẵn đây tôi xin nhắc lại chuyện hôm qua. Khi mà tôi kết thúc bài giảng xong thì có một số tin nhắn bà con hỏi tôi: có thể cho họ một vài trích dẫn mang tính truyền thống về sự giải thoát của thánh nhân, vì chỉ mới nghe tôi mô tả: tu để bỏ cái gì đó, không phải để được cái gì đó.

Sẵn tôi hỏi bà con nói luôn, trong room bà con có những đoạn rất phổ biến như là:

“Này các Tỳ-kheo! Những gì mà bậc Đạo Sư, người thầy vì lòng bi mẫn đã làm cho các đệ tử, thì Ta cũng đã làm hết cho các người. Đây là những gốc cây, những ngôi nhà vắng, hãy tinh tấn thiền định, chớ có để mai này mình phải hối tiếc.”

Cái đoạn này được Đức Phật nhắc tới nhắc lui không biết là bao nhiêu lần.

Và đoạn thứ hai, khi Ngài miêu tả về vị thánh A-la-hán thì Ngài miêu tả như thế này:

“Chuyện nên làm đã làm, katakaniyo; phạm hạnh đã thành, vusitava; gánh nặng đã đặt xuống, ohitabharo.”

Khi mà Ngài miêu tả về quả vị La-hán, toàn là buông sạch sành sanh, không có nói gì về vị đó được cái gì hết, toàn là bỏ không à. Chuyện nên làm đã làm nghĩa là cái chuyện cũ đã kết thúc rồi.

Chưa hết, còn chuyện này nữa. Người vượt biên trước hết phải nhắm đến việc lìa bỏ một nơi chốn. Còn chuyện nơi sẽ đến ra sao thì trước mắt họ không nghĩ đến nhiều, ai vượt biên thì sẽ biết. Tức là chuyện đặt chân xuống tàu là họ lìa bỏ xứ sở này trước đi đã. Còn chuyện họ qua bên trại tị nạn, họ được ai vớt, bà cố tui cũng không biết nữa. Tui nói thiệt, ra tới hải phận quốc tế là Nhật, Đức, Pháp, Anh, Mỹ, Tây Ban Nha, Canada, Úc... ai vớt chưa có biết. Và khi họ vớt rồi thì họ đưa về đâu thì chỉ có trời mới biết.

Có khi họ vớt rồi họ đem vô, họ liệng ở trong cái đảo, cái đất liền nào gần nhất như Mã Lai, Indonesia hay Thái Lan. Còn có khi họ vớt rồi họ đưa lên trên tàu để đem về xứ luôn. Trường hợp thứ ba, có thể họ chỉ dừng lại cho thức ăn, giúp mình sửa máy tàu, cho thuốc men, hoặc họ chỉ đường đi, họ tặng cho mình cái la bàn, tặng cho mình cái hải đồ... rồi họ lại đi tiếp. Nói chung, người xuống tàu vượt biên là mục đích của họ là lìa bỏ nơi này trước cái đã, cái đó là cái gốc.

Thì chuyện ở đây cũng vậy, người tu hành giải thoát, chuyện đầu tiên là lìa bỏ tình trạng phàm phu của mình, lìa bỏ những lo âu như sợ chết, sợ xấu, sợ bệnh, sợ sa

đạo... những sự nặng lòng vì muốn được này nọ.

Người đắc thánh, khoan nói chuyện là tâm thánh cho họ biết cái gì. Trong A-tỳ-đàm nói rất rõ, cái tâm thánh đạo nhắm đến ba ý nghĩa sau đây:

1. Cắt đứt phiền não, cắt nhiều hay ít là tùy từng thánh.
2. Chứng ngộ Tứ đế.
3. Thấy rõ Niết-bàn. Thấy rõ Niết-bàn ở đây đúng là nó nằm trong Tứ đế, nhưng ở đây tôi nói rõ ra, chứ không thôi bà con nói tôi nói thiếu.

Mình liễu vô mình thấy Niết-bàn không nằm trong danh sắc hữu vi. Do đó, thánh nhân an lạc vì rảnh tay nhẹ vai, chứ không phải vì được cái gì. Không còn ghét sợ cái gì, không còn thương thích người hay vật gì, không còn mong đợi được gì. Khi không còn sợ bị hay là mong được thì chừng đó là an lạc.

Tôi nhắc lại để trả lời nghi vấn cho mấy người đó. Tôi không có trả lời cho từng người, bởi vì nó quá mệt đi, cho nên tôi gom luôn bữa nay, hi vọng có họ trong đây họ nghe. Còn họ không nghe thì coi như hết duyên.

Đó là nói đến quả vị an lạc của thánh nhân là như vậy. Người ta không có nhắm đến việc được cái gì, mà chuyện đầu tiên là người ta vượt biên, người ta lìa bỏ cái nơi chốn mà người ta không muốn sống nữa, chỉ vậy thôi.

Nhưng mà nhắc lại như vậy thì nó lại tình cờ đá động tới bài kinh mà mình đang học. Kẻ chưa học đạo chỉ biết thích, ghét, buồn, vui. Kẻ học đạo ba mớ thì quan tâm đến thiện ác để hành thiện lánh ác. Kẻ hành đạo rốt ráo thì chỉ còn lưu ý, lưu tâm đến tánh sanh diệt của thiện ác, buồn vui. Cho nên chính hạng người thứ ba này nó mới lòi ra kiểu nghiệp không thiện, không ác, không trắng, không đen. Là vì sao?

Bởi vì họ thấy rất là rõ: thiện nào, ác nào cũng đều là nhân sanh tử. Quả báo của thiện ác gồm có buồn và vui. Buồn và vui cỡ nào cũng là vô ngã, vô thường, và không khéo nó lại tiếp tục hỗ trợ cho cái nhân sanh tử mới. Có thấy sợ sanh tử trong các cõi

mới thấy cả ác lẫn thiện đều đáng sợ như nhau. Nhưng trước nhất phải sống thiện: chánh niệm, kham nhẫn, từ bi, trí tuệ, thiền định... để không còn thiện ác, buồn vui nữa. Kiểu hành động này được Phật gọi là nằm ngoài thiện ác, không trắng cũng không đen.

Lát nữa ta sẽ học đến các kinh sau, loại nghiệp thứ tư này được Phật nói rõ là 37 pháp Bồ-đề phần của hành giả hướng đến lý tưởng vô lậu giải thoát. Còn định nghĩa về nghiệp đen, tức nghiệp ác, thì tùy kinh mà Ngài nói đó là ác kiểu gì. Thí dụ có kinh Ngài nói sát sanh, trộm cắp là nghiệp đen. Nhưng có chỗ, chẳng hạn như kinh mình đang học, thì Ngài nói rằng ngũ nghịch đại tội, tức là giết cha, giết mẹ là nghiệp đen. Là bỏ những việc đó được gọi là những nghiệp trắng.

Các vị dò ở trên.

Xuống, nguyên loạt kinh này trùng rất là nhiều cho nên không cần giải thích.

Nói về bốn tầng thánh.

1. Tầng sơ quả Tu-đà-hườn

Thấy được Tứ đế bước đầu, trừ được thân kiến và hoài nghi, chỉ còn tái sinh tối đa bảy kiếp.

Sở dĩ không nghe tôi nhắc đến giới cấm thủ bởi vì bữa hôm tôi đã giải thích ngàn lần rồi. Thân kiến nghĩa là không còn thấy thân này, danh này, sắc này, năm uẩn này là tôi, là của tôi, là thuộc về tôi, là liên quan đến tôi. Không còn thấy năm uẩn ngoài tôi là của ông A, bà B, hay bà C... Không còn thấy năm uẩn nào đáng để mình gọi là ông A, bà B, kẻ thân, người thù, người dưng... Không có. Tất thấy năm uẩn đều là do các duyên mà có, rồi cũng do duyên mà mất. Đó gọi là thân kiến. Khi không còn thân kiến thì dẹp luôn cái hoài nghi.

Hoài nghi là không biết đó giờ tôi đã như thế nào, sau này tôi sẽ như thế nào. Không còn tôi nữa. Vị này biết chắc nếu năm uẩn này là Thánh Tu-đà-hườn thì sẽ tái sanh tối

đa bảy lần. Nếu năm uẩn này là vị La-hán thì chắc chắn không còn tái sanh nữa. Nếu năm uẩn này còn tiếp tục tạo ác nghiệp thì năm uẩn này còn có khả năng sa đọa. Nếu năm uẩn này làm nhiều công đức thì năm uẩn này sẽ tạo cái nhân tái sanh cõi trời, cõi người, an lạc, hạnh phúc.

Hiếu như vậy thôi, chứ không còn thắc mắc, bởi vì đường đi nước bước biết rất rõ. Biết rõ mình là gì, sẽ về đâu, từ đâu đến, nên không còn nghi ngờ gì về bản thân và người khác. Ai cũng như vậy. Vì vị ấy biết rõ ba mình, má mình, kẻ thù của mình hay người đứng mình thấy trên đường, trên phố... Tất cả những gì mình thấy như con chó, con mèo, con heo, con gà, con kiến, con ong... tất thấy đều là năm uẩn hết, và năm uẩn ấy do các nghiệp thiện ác tạo ra. Vị ấy không còn hoài nghi là như vậy.

2. Nhị quả

Giảm nhẹ dục ái và sân, niềm đam mê và sự bất mãn trong năm trần.

Dục ái ở đây là niềm đam mê trong năm trần. Thật ra vị Tu-đà-hườn họ đã giảm rất, rất nhiều. Trong kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật Ngài dạy là những cái chuyện mà vị Tu-đà-hườn đã bỏ lại được, giải quyết dứt điểm nó, nhiều như dãy núi Himalaya. Những chuyện còn sót lại mà vị này phải giải quyết chỉ là bảy hòn sỏi thôi. Nghe như vậy là mình đã biết vị này đối với vấn đề phiền não là đã vơi giảm rất, rất nhiều.

Ngài đem so sánh với nguyên dãy Himalaya kéo dài từ Bắc Ấn, Nepal, tới Tây Tạng, mấy ngàn cây số. Ngài lấy nguyên cái dãy núi đó để nói về những gì mà vị Tu-đà-hườn đã liệng bỏ, đã bỏ xuống, đã cắt đứt quan hệ, đã giải quyết dứt điểm. Những chuyện lơ tơ mơ còn dính lại chút đỉnh mà vị này phải cưu mang, phải giải quyết, phải gánh gồng chỉ như là bảy viên sỏi trong bảy kiếp sống kế mà thôi. Đó là nói đến vị Tu-đà-hườn đặc chậm, chứ vị Tu-đà-hườn đặc nhanh thì một là đặc ngay trong kiếp này, hai là kiếp sau người ta đã đi mất rồi.

Cho nên cái hạng thứ hai này: vị Tu-đà-hườn đã giảm sự đam mê và bất mãn trong năm trần rồi, thì vị Tư-đà-hàm này giảm thêm một mớ nữa.

Giảm ở đây là sao? Vị Tu-đà-hườn như ngài A-nan ở đây còn bị đau lòng khi thấy Đức Phật viên tịch, khi ngài thấy ngài Xá-lợi-phất viên tịch. Khi mà ngài nhìn thấy một cái hoa đẹp, ngài vẫn còn thích một cái thích rất nhẹ. Nhưng so với vị Tư-đà-hàm, vị nhị quả, thì cái thích đó nó còn hơi nhiều. So với mình thì cái thích của ngài chỉ là làn gió phớt nhẹ qua mà thôi, còn mình thì lòng tham ái như cái núi.

3. Vị tam quả A-na-hàm

Vị này dứt hẳn luôn dục ái và sân. Tức là vĩnh viễn, tuyệt đối, hoàn toàn không còn cái chuyện đam mê trong năm trần. Tức là không còn đam mê trong những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm và chạm bằng xúc giác. Nếu mà còn có cái thích thì vị này chỉ còn đam mê trong thiền lạc thôi. Họ thấy sơ thiền nó đã quá, nó hơn cái dục lạc nhiều. Họ thấy cái nhị thiền nó cao hơn cái sơ thiền, đã thật á, cái cảm giác này nó đã thiệt.

Sẵn đây tôi nói với bà con luôn một điều, bà con nào hữu duyên thì có cái bỏ túi, còn vô duyên thì thôi đành chịu. Câu này nói hơi nặng, nhưng mà nói đạo thì phải cho tui nói thiệt, chứ mà nói mơn trớn ru êm ngủ thì còn gì nữa là đạo trời.

Nghĩa là khi mình còn là phàm phu, giống con dòi trong đồng phân hoặc con ruồi trong cái xác chết vậy đó. Cho nên mình mà có được cái đồng phân, một cái xác thú, xác người, mình mừng dữ lắm. Nhưng khi mình đã là người đắc sơ thiền thì mình không còn thích trong năm trần nữa. Khi đó mình mới thấy cái cảm giác của người đắc thiền, cái cảm giác của một người không còn thích cái gì, không còn ghét cái gì trong năm trần, thì cái cảm giác đó nó hạnh phúc kinh khủng lắm.

Bởi vì tôi nhắc đi nhắc lại hoài riết mà tui thấy cũng kỳ đó là: thích với ghét không là nhau. Các vị thích ăn ngon nghĩa là các vị sẽ ghét món nào đó. Các vị thích nước hoa thì các vị sẽ ghét cái mùi nào đó. Trong kinh ghi rất rõ: cái vị Phạm thiên không còn thích, không còn ghét cái gì trong năm trần, cho nên họ không có thích cũng như không có bất mãn cái gì trong năm trần.

Còn mình thì sao? Cái kẻ nào khoái được khen chửi náo, tới hồi bị chê, bị chửi, nó đau lên tới óc. Cái kẻ nào thích sống hưởng thụ, tới hồi mà nó phải cơ cực thì nó khổ lên tới óc. Cái kẻ nào khoái chăn êm nệm ấm, giường cao chiếu rộng, tới hồi mà nó không được là nó khổ lên tới óc. Còn cái người mà không màng thì sao cũng được. Khi mà họ không có cái gì thích đặc biệt thì họ cũng không có cái gì ghét đặc biệt.

Và khi mà còn thích, còn ghét thì cái lòng mình nó nặng lắm quý vị. Các vị đã bao giờ bị thất tình chưa? Các vị có từng đối đầu với tai tiếng chưa? Các vị đã từng đối đầu với ghen tuông chưa? Các vị đã từng khổ vì sợ ma chưa? Các vị có từng bị khổ vì tiếng ồn, mùi hôi thối ở lán giềng, hàng xóm mà mình không có cách nào để giải quyết chưa?

Nghĩa là thấy, nghe, ngửi, nếm và chạm; các vị đã bao giờ trải qua cái khổ thấu trời vì năm trần chưa? Nếu mà đã từng trải qua rồi thì các vị sẽ thấy: hể còn thích thì còn ghét, mà còn ghét thì còn khổ.

Nên một người đắc sơ thiền thôi, chứ chưa kịp làm thánh, khi mà họ không còn gì để thích thì họ không còn gì để ghét. Và kẻ nào không còn gì để ghét, sợ thì nó sướng còn hơn làm tình nữa, các vị biết không? Tôi nói cái này rất là đời, rất là tục nhưng mà nó là sự thật. Bởi vì sở dĩ tại sao tôi đem cái chuyện đó ra tôi nói là bởi vì trong năm dục thì chuyện “đục cái trống mái” được xem là top, được kể là hàng đầu. Mà đấng này khi

Khi lìa được 5 dục thì cái cảm giác đó còn hơn hạnh phúc hàng đầu đó nữa, cái “top hobbies” đó nữa. Khi lìa 5 dục thì cũng không còn khổ vì 5 dục. Mà khi không còn khổ vì 5 dục thì lòng an lạc không tưởng nổi.

Ai có từng trải qua cái cảm giác không có gì để thích và không có gì để ghét, cái cảm giác đó rất là đặc biệt. Tôi nói không biết bao nhiêu lần: ngày tôi còn trẻ, có những bữa sáng tôi thức dậy tôi thấy vô vị quá. Hôm nay không biết đọc cái gì, làm cái gì, đi đâu, gặp ai. Nhưng mà ở tuổi này là xế chiều rồi, nói theo người Mỹ thì tôi bắt đầu

cái tuổi xuống đời rồi. Tuổi này tôi bắt đầu cảm kích những cái ngày vô vị ấy, bởi vì vô vị có nghĩa là vô sự.

Mà khổ thay, vì ta quen sống trong 5 dục nên ta không chịu nổi cái sự trống vắng của những vị ngọt trong 5 dục. Cứ vắng mặt nó là mình thấy nhớ, thấy mong và thấy vô vị: “Đời thiếu em rồi say với ai”. Nhưng mà mình quên đi một chuyện rất đời là quan trọng: còn thích thì còn bất mãn, mà bất mãn là một tên gọi khác của khổ. Nóng, lạnh, đói, khát, buồn tiêu, buồn tiểu... đó chính là bất mãn, đó chính là khổ đó quý vị.

Nhưng chính vì chúng ta cứ luân phiên trong các tư thế sinh hoạt, chúng ta cứ dùng 5 trần để đáp đối, để lấp đầy những cái chỗ trống, để tiêu khiển, để đốt thời gian, cho nên chúng ta không có cơ hội để mà làm người. Nói hơi nặng đó là không có cơ hội để làm người, để thông minh hơn một tí, để nhận ra rằng đời sống mình chỉ là sự đáp đối, sự lấp liếm của một đứa bé nhà nghèo thôi.

Nó đói quá thì nó ăn tằm bậy, nó ăn đồ dơ, nó ăn đồ độc, và mỗi lần nó ăn như vậy nó thấy ngon. Đối với một người lớn nhà giàu, trưởng thành và học thức thì họ nhìn thấy những thức ăn của đứa bé nhà nghèo thì họ sợ hãi. Nó bò bò trên đất, tới hồi thấy cái gì nó cũng bỏ vào miệng hết. Bây giờ mình chỉ ngồi mình nghe một câu thôi: “Cái gì cũng bỏ vào miệng”, mình nghe tới đó là mình muốn mưa rồi. Nó bỏ mọi thứ, cái gì mà cho vào mồm được là nó cho hết.

Sở dĩ tại sao tôi nói nhiều về cái chỗ này là vì tôi đang nói đến quả vị A-na-hàm. Họ nhìn mình họ ớn lạnh. Họ nhìn mình giống như một ông bác sĩ thấy một đứa bé nhà quê đang bò lổm ngổm trên đất, thấy cái giống gì cũng bỏ vào trong mồm. Ông đã là bác sĩ, vừa là người học thức, trưởng thành, có tiền, chín chắn trong suy tư, trong nhận thức. Với tất cả cái nền tảng đấy thì ông nhìn một đứa bé nhà quê không mặc đồ đạc mà nó bò trên nền đất nửa ướt nửa khô, chỗ lầy chỗ lội, mà lượm cái gì cũng bỏ vào miệng thì ông nhìn ông ớn dớn lắm.

Phạm thiên là một, người đặc sơ thiên trở lên, và đặc biệt là vị Tam Quả, khi họ thấy mình thì cái cảm giác của họ giống như vậy đó.

Vị La-hán

Cái vị A-na-hàm không còn thích dục nhưng vẫn còn thích thiên. Tới khi vị A-la-hán thì cái thấy trong 4 đế còn rõ ràng hơn nữa. La-hán thấy không có sự khác biệt nào trong sự sinh diệt của danh sắc. Dù thiện hay ác, buồn hay vui đều chỉ tồn tại trong một sát-na, không cái nào lâu hơn. Nếu ta có thấy một cái gì đó lâu bền thì đó chỉ là sự tiếp nối của vô số lần sinh diệt chớp nhoáng, cái sau không phải là cái trước. “Similar, not the same”, tức là nó chỉ là giống thôi nhưng không phải là một: “ähnlich aber nicht gleich”.

Mình thấy cái gì nó rất là lâu bền, mình tưởng nó là một. Ví dụ như mình đeo một cái đồng hồ Rolex, mình thấy đeo từ đời ông nội cho đến đời ba mình, rồi đến đời mình vẫn còn ngon lành, mình tưởng nó chỉ là một, nhưng mà không. Không cần nói đến Phật pháp, chỉ ở ngoài đời thì khoa học cũng chứng minh cho mình thấy rằng tất cả những phân tử, những nguyên tử ở trong vật chất luôn luôn biến động liên tục.

Chính vì lý do này nó mới dẫn đến sự sụp đổ của một tòa nhà, một ngọn núi. Nó làm cạn kiệt một dòng sông, làm hư hỏng những cơ phận, những bộ máy, những guồng máy vĩ đại tinh vi bậc nhất thế giới. Tất cả nó đều khởi đi từ những phút giây biến động, biến tướng và cuối cùng là biến hoại, biến mất.

Các lợi ích nhờ bậc chân nhân

Tam học hỗ trợ nhau và từ đó hỗ trợ cho sự giải thoát. Tập đế tạo ra khổ đế, Đạo đế dẫn đến Diệt đế. Tập đế, samudhaya, nghĩa là sự sanh ra. Đạo đế, magga, nghĩa là con đường, sự đưa đến.

Mình thấy giới, định, tuệ nó hỗ trợ cho nhau theo cái cách là tạo ra nhau, hoặc nó dẫn đến nhau, cả hai đều được, hoặc nó làm nền tảng cho nhau. Nhưng mà khi bốn ông

này mà cộng lại thì nó không còn tạo ra giải thoát, mà nó còn dẫn đến cái giải thoát.

Trên đời này có những cái nhân quả mà mình hiểu theo kiểu nhân quả, nhưng khi mình hiểu theo nghiệp lý thì nó khác. Nhân quả mà hiểu theo kiểu rớt ráo, cái kiểu điều kiện nhân duyên, thì nó lại khác.

Ví dụ như mình thấy Tập đế nó tạo ra Khổ đế, còn cái Đạo đế thì nó dẫn đến chứ không phải tạo ra. Tại sao tôi đặt vấn đề này là quan trọng như vậy? Là bởi vì cái gì còn được tạo ra bởi thứ khác thì nó còn nằm trong vòng sinh diệt. Niết-bàn là trạng thái được đưa đến từ việc tu tập Đạo đế. Niết-bàn không được tạo ra bởi bất cứ điều kiện, nhân tố nào, nên Niết-bàn nằm ngoài cái vòng tam tướng.

Xin đừng đem phàm tâm của mình hiểu lầm Niết-bàn là một cái cảnh giới sung sướng bất tử. Chỉ nên hiểu rằng đó là sự vắng mặt của tất cả mọi hiện tượng tâm lý, sinh lý, và vật lý. Người chán sợ sinh tử thì phải dốc lòng hiểu cái khổ là gì, vì sao có khổ, để sống ngược lại con đường tạo khổ. Khi chứng thực hành rồi thì sẽ hiểu Niết-bàn là gì. Mọi giải thích về Niết-bàn chỉ là gây hiểu lầm. Không gì bằng việc cố gắng giải thích, mô tả một thứ gì không thể mô tả.

Chẳng hạn mô tả một ly cà phê cho người chưa từng uống cà phê. Tốt nhất nên đưa cho họ một ly cà phê, hoặc hướng dẫn họ làm sao có được ly cà phê, còn chuyện sau đó là của họ. Càng giải thích càng gây hiểu lầm. Nếu không chán sợ sự hiện hữu trên đời thì không dốc lòng học đạo và hành đạo. Nếu đã vậy thì mọi ngôn từ chỉ khiến ta mang họa nhiều hơn được phúc.

Người chán sợ sanh tử thì bước đầu là học đạo, bước hai là hành đạo, còn cái việc chứng đạo là tùy duyên. Người này không có thời gian cho cái việc khác ngoài ra hành trình đó.

Chẳng hạn bây giờ tôi giảng sơ về 4 cái này. Nhờ có giới mới có định, nhờ có định mới có tuệ. Mình nghe nó làm như có cái trật tự trước sau, nhưng mà thật ra chỗ này

bà con làm ơn hiểu dùm: có người giới sạch rồi tâm mới định, có định rồi mới có tuệ, có tuệ rồi mới chứng đạo giải thoát.

Nhưng cũng có người phút chốc hiểu đạo, tức ngộ đạo, thì công thức này phải hiểu khác đi. Tức là quan hệ của tam học không còn cái trật tự kiểu hàng dọc nữa, mà là một sự đồng bộ, hàng ngang.

Giải thoát ở đây là thấy rõ Tứ đế: thấy mọi thứ là khổ, thích cái gì cũng là thích trong khổ, thấy rằng muốn hết khổ thì đừng có thích trong khổ nữa, sống bằng ba cái nhận thức này chính là con đường thoát khổ. Đối với người này thì không còn thiết tha trong cái siêu đọa nữa. Không còn thiết tha trong cái siêu đọa thì làm gì còn thiết tha trong cái thiện ác. Cho nên cái người này được gọi là không trắng, không đen, không thiện, không ác là như vậy đó.

Sẵn tôi nói luôn, cái công thức: giới sanh định, định sanh tuệ, tuệ dẫn giải thoát thì đó là công thức chung. Nhưng nhớ có hai trường hợp.

Trường hợp một: mọi sự diễn ra theo cái trật tự hàng dọc. Nghĩa là giới ok thì định ok, định ok thì tuệ ok, tuệ ok thì mới có giải thoát ok.

Trường hợp hai: có người kiểu tu của họ trong kiếp trước là của một người có huệ căn, kiểu tu của người có trí tuệ sâu dày, phước báu công đức đầy đủ, thì bây giờ họ chỉ cần nghe một câu là họ đắc cái rọc lên đến quả vị La-hán. Như vậy trường hợp này mình hiểu công thức tam học nó ra làm sao? Xin thưa, lúc này nó không còn diễn ra theo trật tự hàng dọc nữa, mà nó là một cái sự đồng bộ.

Tôi hỏi trong room nha. Các vị cầm ly nước lên, nó bằng thủy tinh và trong suốt. Vì đó là ly nước đá nên nó rất là lạnh, và ly đó là ly hình tròn, láng, trơn. Tôi xin hỏi các vị, cái láng, lạnh, trơn, tròn ấy nó có mặt cùng lúc hay là có trước có sau? Đương nhiên là nó có mặt cùng một lúc rồi.

Ở đây cũng vậy. Có những kiểu tu mà mọi sự diễn ra theo cái trật tự hàng dọc, nhưng mà cũng có những kiểu tu hành mà nó dẫn tới kiểu kết quả: khi mà đắc chứng thì mọi sự diễn ra một cách đồng bộ. Họ nghe một câu là họ đắc một cái rọc. Như Ngài Xá Lợi Phất làm gì có thời gian mà giới năng sinh định, định năng sinh tuệ.

Và trong A-tỳ-đàm cũng nói rõ, cả Tám Thánh đạo có mặt cùng lúc trong giây phút chứng đạo mà trong tám chi đạo ấy có đủ tam học. Nghĩa là trong cái khoảnh khắc đắc đạo, trong cái tích tắc ấy thì vị đó có đủ tám cái chi đạo. Mà trong tám chi đạo ấy chia ra thành: chánh kiến, chánh tư duy nó thuộc về tuệ học, thuộc về pháp minh phần. Còn chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là thuộc về giới học. Phần còn lại là chánh cần, chánh niệm, chánh định thì thuộc về định học.

Cho nên công thức giới năng sinh định, định năng sinh tuệ không phải là sai, nhưng nó là cái công thức chung chung. Ở đây tôi nhắc lại một lần nữa: “Tập để tạo ra Khổ để nhưng Đạo để dẫn đến Diệt đế”. Đạo để là magga. Magga là con đường; mà con đường là dẫn đến, là phương tiện đưa tới. Còn cái samudhaya là cái nguồn cội, cái gốc gác. Ngay trong cái tên gọi là mình đã thấy rồi, samudhaya là cái sự tạo ra. Không phải ngẫu nhiên vô cớ mà Đức Phật dùng cái chữ như vậy.

Phẩm Sợ Hải Phạm Tội

Nói về lý do một người thích làm chuyện chia rẽ tăng chúng nói riêng và làm mất đoàn kết tập thể nói chung. Cái duyên sự bài kinh này hơi dài, tôi chỉ kể vắn tắt thôi.

Trong cái ngôi chùa Ghositarama ở Kosambi do một triệu phú cúng dường, có đông đảo chư tăng mấy trăm vị, trong đó có một vị pháp sư và một vị luật sư. Luật sư ở đây không phải là ông lawyer ở ngoài đời, mà luật sư là một vị giỏi Luật tạng ở trong Phật pháp. Còn pháp sư là vị thuyết pháp, Kinh tạng, A-tỳ-đàm ào ào. Dĩ nhiên đã là pháp sư thứ thiệt thì phải biết rõ cả tạng luật, nhưng mà chuyên thì phải là vị luật.

Thì bữa đó vị pháp sư loay hoay thế nào trong toilet, lúc đi ra thì quên một chuyện rất là căn bản. Cái toilet ngày xưa đâu có xài cái vòi robinet như mình bây giờ, mà họ xài

bằng cái lu có cái gáo múc. Vị này hôm đó thay vì xài xong thì úp cái gáo xuống, nhưng vị này quên nên để ngửa.

Theo trong luật thì mình để ngửa như vậy bụi rất vô, con này con kia rất vô. Bậy nhất đó là nước nó đọng lại trong cái đáy gáo hoặc đáy lon, dẫn tới việc người sau vô nhìn thấy rất là khó chịu, cho nên trong luật cấm. Một vị tỳ-kheo khi mà đi vào toilet thấy nó dơ thì phải dọn, thấy nó thiếu nước là phải châm, khi mình đi ra thì cũng phải quay lại mình nhìn coi nó có ok không thì mình mới đi. Nếu không làm đúng như vậy thì phạm luật, bởi vì sống tập thể mà.

Thì vị pháp sư này đi vào trong loay hoay thế nào quên úp cái gáo xuống. Xui một chỗ là vị này vừa bước ra thì ông thầy luật sư mới bước vào. Ông bước vào ông thấy như vậy thì ông hơi khó chịu. Nếu mà vị này im lặng thì mọi sự nó dừng lại ở đó. Nhưng chính vì vị này không có im lặng, vị này giữ luật trên hình thức nhưng thiếu luật trong nội dung, nói thẳng là không có nội hàm.

Vị này sau đó đem về nói với đám đệ tử ruột của mình, ông nói rằng: “Cái ông đó thuyết pháp tùm lum mà một cái chuyện căn bản nhỏ xiu xiu xiu mà ông không nhớ, không biết hoặc không chịu làm. Mà cái nào cũng bậy hết: biết mà không nhớ là bậy, không biết cũng bậy, mà nhớ mà không làm cũng bậy.” Cái đám đệ tử nghe như vậy thì nó mới truyền miệng nhau, cuối cùng lọt đến tai cái đám đệ tử của ông pháp sư.

Các vị tưởng tượng sư phụ của mình mà bị người ta nói như vậy thì chịu sao nổi. Thế là nó nổ ra sự xung đột, lúc đầu là nhỏ. Lúc đầu thì chàng nói nàng nghe, sau đó thì chàng nói cả nhà đều nghe, và cuối cùng chàng và nàng cãi nhau cả xóm đều nghe. Bất cứ một cuộc tranh luận nào cuối cùng nó cũng sẽ dẫn tới kết quả chung cuộc y chang như vậy.

Lúc ấy Đức Thế Tôn thấy chư tăng chia phe như vậy thì Ngài thân lâm, đích thân giải thích. Ngài nói:

“Tất cả phải ngồi lại với nhau trong cái tinh thần đoàn kết, cái gì thông qua được thì thông qua. Cái sự vi phạm nào sám hối được thì sám hối, tha thứ được thì tha thứ, bỏ qua được thì bỏ qua. Chứ không nhất thiết phải bối lông tìm vết, bối tro tìm than kiểu đó thì nó chỉ thêm rối thôi.”

Ngài nhắc ba lần như vậy, nhưng mà chư tăng không nghe, thì Ngài mới nói với Ngài Anan:

“Kể từ hôm nay, trong suốt cái mùa an cư này Như Lai không muốn gặp bất cứ một tỳ-kheo nào nữa. Như Lai sẽ vào rừng sống một mình và kể cả Anan cũng không cần phải đi theo.”

Các vị có biết không? Người nghe qua không biết đạo sẽ nghĩ rằng chắc Đức Phật giận hay Ngài buồn. Không phải. Tất cả

đều nằm trong Phật trí vời vọi của Ngài.

Đức Phật là một người tấm lòng hiểu thấu nghìn đời và mắt nhìn suốt ba cõi mà. Ngài biết bây giờ Ngài ở lại sẽ gây thêm cái nghiệp bất thiện cho chư Tăng, khi mà họ một mực bất tuân, đó là thêm nghiệp cho họ. Thứ hai, Ngài biết cái mùa an cư này sẽ là cơ hội bằng vàng, cảnh kim cương để Ngài hỗ trợ cho một vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác trong tương lai giống y chang như Ngài, thì cái việc đó hình như hơi đáng.

Thế là mọi sự đã diễn ra. Trong cái mắt phàm của mình thì mình thấy có cái gì đó hình như bị trục trặc, nó hơi lầy lầy trong đó. Nhưng mà không. Chư Phật có bao nhiêu việc phải làm, bởi vì “Phật lực vô biên, Phật trí vô cùng, Phật tâm vô lượng”. Tấm lòng hiểu thấu nghìn đời và mắt nhìn thấu muôn cõi. Khi cái việc làm ở đây đã xong hoặc chưa đến lúc làm thì có bao nhiêu là chuyện khác.

Mùa an cư ấy Thế Tôn vào rừng. Mỗi ngày có một con voi chúa bầy, nó cũng chán cái đám voi cái, voi von, voi teenage, tối ngày cứ quậy phá rồi xịt nước, dẫm đạp, leo

trèo, chen lấn, thì nó oải quá đi. Cho nên nó tìm cách trốn bầy, nó đi sống một mình.

Trong kinh nói con voi này là một vị Chánh Đăng Giác tu mấy chục A-tăng-kỳ, chứ một hay hai là không có cửa đâu nha. Khi vừa gặp Đức Phật thì: thứ nhất là do đạo căn của con voi này, thứ hai là duyên của hai người, và thứ ba là do Phật lực của Đức Thế Tôn đã làm lan tỏa từ trường bao phủ cả khu rừng ấy nói chung và con voi này nói riêng. Con voi gặp Ngài là chỉ có một chuyện để làm, đó là quỳ sụp xuống, lấy cái vòi để mà hút bụi trên chân Ngài thôi.

Trong kinh nói hai vị voi chúa: một vị voi chúa giữa loài người, nhân thiên, và một vị voi chúa giữa rừng xanh, đã sống gần nhau trong suốt ba tháng an cư ấy. Con voi đã đi hái trái rừng đem về cúng cho Phật.

Cũng trong mùa an cư ấy, ngay dưới gốc cây có một con khỉ nhìn thấy Đức Phật đã khởi tín tâm, đi hái trái, đi lấy mật ong rừng về đem cúng cho Phật. Đối với các vị trong room thì sẽ nghĩ đó là cái chuyện phong thần, nhưng đối với tôi, bằng cái đầu trời ời này thì tôi cũng tin. Bởi vì sao? Đức Phật là một hiện tượng đặc biệt, thì những sự việc đặc biệt xảy ra trên những con người đặc biệt vào một thời điểm đặc biệt thì không có gì là đặc biệt, nó là một chuyện rất là bình thường.

Cái con khỉ đó là một vị Độc Giác tương lai, và cái con voi kia chính là một vị Chánh Đăng Chánh Giác Vô Thượng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề trong kiếp sau. Một vị trí mà không kém cạnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một gram, một centimet, một nanomet nào hết. Y chang như vậy.

Suốt ba tháng an cư ấy, ba bậc đại nhân, ba bậc đại sĩ đã sống gần nhau. Đó là một vị đương kim Vô Thượng Điều Ngự Chánh Đăng Chánh Giác, cộng thêm một vị gọi là dự khuyết Phật tổ, và một vị Độc Giác. Cả ba vị đã sống cùng nhau trong ba tháng an cư ấy.

Lúc bấy giờ mới có cái kinh này, và thỉnh thoảng Ngài A-nan vào thăm Phật. Ngài là người duy nhất có cái quyền ấy. Nhưng mà vào lạy Phật, vấn an hoặc là hầu chuyện

gì đó rồi cũng quay lui, không có làm phiền Thế Tôn.

Có một lần, khi Ngài A-nan vào tới thì con voi này đứng chặn đường liền, có ý là không muốn người lạ xâm hại, làm phiền Thế Tôn. Lúc đó Đức Phật Ngài nói thế này: “Hãy dừng lại, học trò của Như Lai đó”. Ngài chỉ nói như vậy thôi. Đọc đến đó tôi rất là xúc động. Con voi nghe như vậy là quay lui liền.

Ngài A-nan thì Ngài tỉnh bơ. Một mình Ngài thì Ngài không ngán cái gì trong đời, huống chi là trước mặt Thế Tôn, thì Ngài bình thản, ung dung từng bước đi đến quỳ sụp xuống đánh lễ Đức Phật. Một trong những lần thăm viếng ấy chính là duyên sự của bài kinh 241.

Khi mà Ngài quỳ lạy Phật xong thì Phật hỏi về cái chuyện tình trạng chia rẽ của chư Tăng ở chùa. Các vị có biết không, cái chuyện chia rẽ đó nó phong thần dữ lắm luôn. Bởi vì hai vị sư mà gây mâu thuẫn với nhau thì chư thiên trong chùa gồm: mấy vị Địa Cư Thiên, là mấy vị sống trên mặt đất, sống trong cửa nhà, nóc nhà; và mấy vị Thọ Thần, là sống ngoài cây, ngoài cỏ, ngoài bụi, trong chùa, cũng chia làm hai phe. Một phe thì ủng hộ cái nhóm luật sư, còn một phe thì ủng hộ vị pháp sư.

Từ đó chia rứt từ chư thiên trong chùa cho tới ra khỏi chùa. Trong kinh nói luôn là chư thiên trong Nam bán cầu, Bắc bán cầu, hoặc chư thiên ở cõi Tứ Thiên Vương và chư thiên Đạo Lợi cũng chia hai phe như vậy. Bởi vì phải nói rõ, hai vị này đều tu hành rất là trong sạch, chứ còn trời ơi thì chư thiên họ không có hộ trì, chỉ có một cái lỗi là hai vị không đồng ý với nhau.

Cái vị pháp sư không phải là không thấy tội, mà vị đó nói là sơ ý không có lỗi. Vị pháp sư trả lời rất là thuyết phục: “Tôi biết cái chuyện không úp gáo đó là có tội, nhưng trong luật ghi có những điều luật sơ ý, vô tình thì không có tội. Và cái điều luật này là nằm trong trường hợp ấy. Tôi sơ ý không úp gáo thì không có tội, nhưng mà Sư cố ý đi tuyên truyền nói xấu cho học trò của Sư, để rồi hôm nay mọi sự nó ra nông nổi như thế này, thì hình như là cái tội của Sư nó hơi bị nặng”.

Rồi vị luật sư trả lời như thế này: “Không có cái giới nào là nhỏ. Nếu mà chê cái giới này là nhỏ thì mai một cũng chê cái giới kia là nhỏ, và cứ như vậy cả tạng luật đều là nhỏ”.

Cả hai vị đều có lý hết. Và vì cả hai đều tu hành với lý tưởng rất là ok, mà đạo hạnh rất là ngon lành. Thế là thánh nhân thì đứng ngoài cuộc khoanh tay hoặc chấp tay im lặng, vô ngôn. Nhưng mà riêng mấy vị trời, phàm phu, mấy ông tiên, bà tiên, tiên cô, tiên cậu phàm phu đều thấy rằng cả hai vị đều có lý hết.

Cho nên tại sao tôi dừng lại ở đây, tôi kể rất rõ về duyên sự bài kinh này là bởi vì: chúng ta thấy nhiều khi cái vết kiến cắn, vết đứt tay, vết phỏng lửa nó nhỏ thôi, nhưng nếu không biết chăm sóc đúng cách thì nó tầy huầy ra, thì nó lớn chuyện dữ lắm, các vị biết không. Ở đây, nhiều khi trong nguyên tắc làm lắng dịu các sự cố, sự kiện, đó là chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không là như vậy.

Nhân cái sự kiện Ngài A-nan vào hầu Phật thì Phật có hỏi thế này:

“Chư Tăng ở chùa sao rồi?”

Thì Ngài A-nan cũng trình thưa:

“Dạ cũng vậy, mọi chuyện vẫn chưa có xong”.

Thì Đức Phật Ngài có nhắc đến Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên một chút. Ngài nhắc rằng trong những trường hợp như vậy thì cả hai vị cũng giúp được gì chứ. Trong Chánh tạng có nói gọn như vậy thôi, nhưng ở đây cái nội dung không phải.

Là nằm chỗ đó. Nội dung là Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Vì những lý do sau đây mà một người thích gây chia rẽ, làm hỏng khối đại đoàn kết:

1. Bản thân có vấn đề và gây chia rẽ mọi người để không ai có thời gian hay điều kiện tâm lý lưu tâm đến vấn đề của mình.

2. Do quan điểm nhận thức của mình không giống ai, mình muốn thiên hạ chia rẽ để tự bảo vệ quan điểm đó.

Nghĩa là nếu thiên hạ có cùng ý với nhau thì họ sẽ hòa nhau lại, họ chĩa mũi dùi, họ đem mình ra để lên bàn, và mỗi tên cùng nhau xách cái đèn pin 1000 watt mà nó rọi thì chết cha mình. Trong khi mình có những quan điểm, nhận thức về giáo lý nó có cái chỗ không giống ai. Thế là ngay thời điểm đó mình rất cần cái sự chia rẽ của quần chúng. Bởi vì nước đục thì béo cò, nước đục mới có cá nó bò lung tung thì con cò mới đập được.

Ở đây cũng vậy. Những vị có quan điểm, tri kiến riêng. Dĩ nhiên trong room này các vị nghe cái chỗ này có lẽ không quan tâm lắm, thậm chí có nhiều người còn thắc mắc: mình hiểu sao thì kệ mình chứ mắc gì mình phải gây chia rẽ đoàn kết.

Nhưng mà không. Đặc biệt những ai có máu thích làm tổ sư đều rất chuộng giải pháp gây chia rẽ để nhân đó xưng hùng một cõi. Nghĩa là nếu tất cả đứng về một phe thì bao nhiêu cái vấn đề của mình sẽ bị phanh phui ra hết. Nhưng mình muốn truyền bá một cái quan điểm, tri kiến thì chỉ có một cách là mình chọt cho tụi nó huynh đệ tương tàn. Khi đó mình mới có cơ làm sứ quân, quý vị hiểu không?

Sứ quân ở đây nghĩa là ngày xưa đất nước mình cũng trong tình trạng bị mười hai sứ quân, tức là mỗi em một cõi. Sau đó thì Đinh Tiên Hoàng mới gom về để rồi giang sơn thu về một mối.

Phật pháp mất là cũng do tình trạng sứ quân. Nghĩa là từ chuyện cá nhân bé mọn dẫn đến tình trạng sứ quân quy mô hơn. Cuối cùng là tam tranh lục quốc, giáo pháp tan nát. Có một thời Phật pháp tại Ấn Độ là nó quất cho mấy chục cái bộ phái, cũng may là dị tạt thì chết yếu. Cuối cùng đến đời vua A Dục thì Ngài Moggaliputta-Tissa, Mục-kiền-liên-tử Đế-tu, mới dẹp yên. Nói vậy thôi chứ Phật giáo chỉ tồn tại bên Ấn Độ một thời gian thôi, bây giờ thì sạch sẽ, không còn một dấu vết gì hết.

3. Bản thân mình tà mạn và có tính không giống ai nên cũng muốn thiên hạ chia rẽ cho mình dễ bề lộng hành: ác giới, tà kiến, tà mạng và ác dục, muốn nhiều.

Người mà thích sống hưởng thụ lợi danh thì luôn muốn thiên hạ tương tranh để mình có cơ hội.

“Theo voi ăn bã mía”, “theo đóm ăn tàn”. Nghĩa là vì mình theo ác giới nên mình cũng cần cái sự rối ren của thiên hạ. Có câu: “Gian thương thường thích xã hội loạn lạc hay có vấn đề”.

Ví dụ như trên đất Thụy Sĩ, bên Đức mà tôi ở cùng lúc, hai bên cách nhau có con sông thôi. Tôi muốn nói đến Thụy Sĩ, một đất nước khi mà nó đã đi vào nền nếp, kỷ cương, chặt chẽ, chỉnh chu, tinh tươm thì gian thương rất là khó mà thao túng.

Tôi nói thẳng luôn, gian thương là mấy ông bà Tàu chứ không ai, thí dụ như vậy. Mình muốn thao túng, khuynh loát giá cả thị trường. Mình muốn làm giá, nghĩa là muốn cho nó lên thì lên, cho nó xuống thì xuống. Làm luật có nghĩa là mình muốn đưa ra nguyên tắc nào cũng được hết. Gian thương thì phải cần có một xã hội có vấn đề thì họ mới làm giá, làm luật được.

Chẳng hạn như cách đây một, hai hôm, có một đám gian thương đã nhân cái bộ máy công kênh, thiếu hiệu quả của chính quyền nhân dân ta, họ đã làm một cái việc đó là họ tha ba cái đồ của Tàu về Đà Lạt, họ phù phép, hô biến trong vòng ba giây thì nông sản “Made in China” nó thành ra là Đà Lạt. Cái đó phải nói là dù Việt Nam không phải đang thời loạn lạc nhưng Việt Nam đang ở trong thời điểm trên không có luật, dưới chỉ toàn lệ nên mới có chỗ cho gian thương nó lộng chứ. Còn bên đất Thụy Sĩ này: tôi vừa mời, vừa thách, vừa năn nỉ bà con qua đây quây, không phải dễ đâu.

Tôi kể thêm chuyện này, tuy nó hơi kỳ nhưng lỡ kể rồi thì tôi nói luôn. Có những mặt hàng mà Phật tử họ nói lại với tôi như: chả lụa làm tại quận 13 ở Paris mà muốn bán qua bên Thụy Sĩ phải đi giấu, quý vị có tin không? Nghĩa là có cái tiệm Việt Nam tên là Đại Thành Trung, ở đó mà mấy người muốn mua chả lụa, họ phải vô hỏi bà chủ rồi

bả mới vô tù đông lạnh để lấy ra. Mà nó đã ghi là không có hàn the nhưng muốn bán thì phải bán lén. Cho nên gian thương thì nó rất cần một cái xã hội không có thượng tôn pháp luật.

Có một thời trước năm 1975, người ta bán đồ Mỹ ở Việt Nam, những cái đồ quân nhu của quân đội Mỹ. Có những kẻ ngay thời chiến, đất nước máu đổ nhà tan mà có những kẻ rất là giàu. Tại sao? Là tại vì họ là gian thương, họ là áp phe, họ là đầu nậu. Có những trường hợp những người làm ăn đàng hoàng, họ không có muốn tranh thủ sự rối loạn của thiên hạ. Nhưng những kẻ gian thương, kẻ xấu xa thì họ rất thích sự rối loạn của thiên hạ.

Cái đó mới là chuyện bên ngoài thôi, còn chuyện bên trong thì sao?

Cái cơ thể của mình nó có vấn đề thì mấy cái bệnh nó mới vỗ tay, nó reo hò. Nếu cơ thể các vị mà ok thì bệnh nào nó vô nổi. Vì cơ thể có vấn đề thì các thứ vi khuẩn, vi trùng nó mới vỗ tay reo hò. Đó là về sinh lý.

Về tâm lý cũng vậy. Khi tâm lý có vấn đề thì các vấn đề tâm lý mới nảy sinh. Nghĩa là kỳ không là ông kỳ đà, kỳ đà là cha cắc kè, nhưng cắc kè nó lại là mẹ của kỳ không. Trong có rối ren về tâm sinh lý thì nó mới nảy sinh ra đủ thứ chuyện. Tức là trong cái sinh nó mới ra lầy, mà nó càng lầy thì nó càng dễ tạo ra sinh, sinh càng nhiều thì nó càng dễ tạo ra lầy... cứ như vậy mà hiểu tới.

Cho nên bài kinh này đọc phớt qua đâu có mắc mớ gì chuyện tu hành đâu ta? Chỉ là chuyện mấy ông sư gây lộn thôi mà. Sai bét. Bài kinh này nó sâu kinh hoàng. Nội dung bài kinh này nghĩa là: “Nước mất thì nhà tan mà nhà tan thì nước mất”.

Người Mỹ họ có một câu: “Home không còn thì homeland cũng mất”, nghĩa là nhà không còn thì cái xứ sở, tổ quốc cũng biến mất. Tức là từng bộ phận dân chúng có vấn đề, có cái lòng bất mãn chính quyền, không còn niềm tin vào chính phủ. Tuy trước mắt mình thấy có quân đội, có chính phủ thì mình thấy nó ok, nhưng không có

gì dễ sợ cho bằng: ngồi trên đầu một đám người mà nó sẵn sàng chờ mình rảnh là nó kéo mình xuống, để nó kề dao, nó bóp cổ, thì cảm giác đó dễ sợ lắm.

Cho nên một đất nước có vấn đề thì nó khởi đi từ từng cá nhân của dân chúng. Khi tâm lý mình nó đã nảy sinh ra một dấu vết của vấn đề thì từ đó nó sẽ dẫn đến vô số vấn đề nảy sinh.

Trong sinh lý cũng vậy, khi cơ thể có một tí trục trặc, chẳng hạn như ai ở đây đi làm răng thì biết: cái răng nó phải dưỡng, chứ nếu cái răng nó bị mẻ thì nó dễ hư hơn những cái răng khác. Bởi vì khi răng bị mẻ là nó đã mất đi cái chỗ men.

Bây giờ qua tới xã hội, tôn giáo, đoàn thể, tất cả đều phải có những cái lỗ hổng, chỗ rò rỉ. Có thể gọi đó là những cơ hội xấu cho kẻ xấu, để những cái chuyện xấu mới có chỗ xảy ra.

Mình gọi đó là “địch phá ta nhiều mặt”, nhưng mà thật ra chính ta đã tạo cơ hội cho địch. Không có thể lực thù địch nào nó đáng sợ cho bằng chính bản thân mình đã tạo ra cơ hội cho địch. Đừng có mà ngồi đó mà chửi người ta là các thể lực thù địch, các thể lực phản động quốc tế, vì không có cái thể lực nào mà ghê bằng chính mình hết.

Phạm tội

Kinh này nói rằng một vị Tỷ-kheo sợ tội giống như người ngoài đời sợ luật, không dám phạm.

“Ba-la-di”, tiếng Việt dịch là bất cộng trụ, asamvasa, không thể sống chung với các Tỷ-kheo khác. Bà con thắc mắc xin online đọc trong Google, chỉ cần từ khóa “giới bốn Tỷ-kheo” thì tha hồ đọc.

Nội dung vắn tắt kinh này là: nếu vị Tỷ-kheo có lòng sợ tội như một người đời sợ pháp luật thì sẽ không phạm giới, hoặc tối thiểu cũng sẽ xưng tội với chư Tăng.

Xưng tội ở đây có 2 trường hợp:

1. Xưng tội để được trong sạch trở lại.

2. Xưng tội để xả y, trở thành một cư sĩ, không tiếp tục gây thêm tội trong màu áo Tăng sĩ.

Có 3 trường hợp khó thoát địa ngục:

1. Xúc phạm người trong sạch, vu cáo người thanh tịnh.

2. Một lòng hưởng dục không sợ hãi, cho rằng của mình nên mình hưởng thì vô tội. Hạng này rất khó thoát địa ngục.

Tội này thấy rất là nhẹ nhưng nó rất là nặng. Thí dụ: tôi đi buôn bán có tiền thì tôi hưởng. Hoặc tôi là ông sư có uy tín, có học trò đông, có nhiều chùa, thì người ta cúng dường tôi, tôi có quyền hưởng.

Nhưng mà không. Cả hai hạng: cư sĩ mà một lòng hưởng dục, tu sĩ một lòng hưởng dục mà cho đó là vô tội, thì rất là khó thoát địa ngục.

3. Tiếp tục mạo nhận Tỷ-kheo khi mình không còn hoặc chưa phải là một Tỷ-kheo, tức là mình chưa có trải qua một cái giới đàn đúng như luật. Hoặc có một thời mình là Tỷ-kheo, nhưng mình đã phạm 4 cái giới Ba-la-di thì mình không còn là Tỷ-kheo nữa. Bằng cách nào đó mình lại tiếp tục gieo rắc cho người ta cái niềm tin là mình vẫn là Tỷ-kheo.

Cả 3 trường hợp này rất khó mà thoát địa ngục. Xin xem lại Tăng Chi 3 pháp đã học, “em còn nhớ hay đã quên”. Tức là 3 cái hạng người rất khó thoát khỏi địa ngục, đều đã được tụng siêu độ mòn mủ và mòn mỏi.

1. Vu cáo, vu khống người thanh tịnh.

Tức là mình ghét người ta quá, mình tìm cách mình nói xấu và làm cho người ta banh chành. Nếu người đó mà bày hầy thì mình chỉ mang nghiệp khẩu nhẹ thôi. Nếu đó là

người thanh tịnh, chuyện người ta không có làm mà mình vu cáo, thì người này rất là khó thoát khỏi địa ngục.

Bởi vì mình không phải chỉ tấn công một cá nhân, mà mình còn tấn công cả một thành trì thiện pháp, mình lật ngược càn khôn, đảo lộn trời đất mà.

2. Ung dung hưởng dục không một lòng e sợ.

Hồi đó tôi đọc trường hợp này tôi không có hiểu: ủa, cái này thì tội gì ta? Nhưng mà tới hồi mà mình hiểu thêm một tí, mình coi nhiều một tí, thì trường hợp này khiến ta gần gũi với bàng sanh hơn.

Bởi vì chỉ có loài bàng sanh nó mới hiểu có bao nhiêu thì xài bao nhiêu. Nghĩa là con chó, con heo, khi nó đói thì có cái gì là nó làm lảng hết.

Các vị có biết con heo nó ăn tạp lắm không? Khi nó là heo tỵ mà nó đói thì nó có thể tấn công cả con người, các vị có biết chuyện này không? Săn ở đây có ai nuôi heo hoặc ở gần chuồng heo thì làm ơn nhớ lời dặn dò này nha.

Nhất là heo tỵ, khi đói mà chủ vắng nhà, nhờ mình qua coi dùm thì mình cũng nên vắng luôn. Đã có những người say rượu hoặc ông cụ bà lão chăm sóc heo đói bị rồi. Mình vô trong đó bị trượt chân là nó bu vô nó phập, mà nó phập là coi như chết.

Cho nên cái loài bàng sanh nó đói rồi là cái gì nó cũng ăn, ngoài ra nó không có biết cái gì hết. Nó chỉ ăn khi nó cần, và cái gì có trước mặt thì nó ăn.

Khi mình hiểu cái tập tính của loài thú thì cái điều thứ hai này nó giống như loài thú vậy. Nó dễ biến con người thành loài thú, nghĩa là cứ nghĩ rằng hưởng dục là vô tội.

3. Mạo nhận.

Như vậy là mình đã học xong bài kinh 242.

Lợi ích học tập

Lời Phật dạy:

1. Giúp cho kẻ hành trì được thanh tịnh thân nghiệp và khẩu nghiệp.
2. Giúp chấm dứt đau khổ: nghĩa là không còn phiền não, không còn khổ vì mình thích cái này, thích cái kia. Không còn phiền não thì ta mới có thể sống bằng tâm thánh.
3. Giúp sống an lạc với trí tuệ giải thoát: tức là nhờ không còn thích cái này cái kia sẽ giúp mình rảnh trí để sống được thanh thản. Thánh tâm an lạc là nhờ không còn thích ghét, từ đó không còn cái sự mong đợi, không còn cái sự trốn chạy.

Phàm phu gọi những phút giây không có gì theo đuổi hay trốn chạy là vô vị, vì phàm phu thật ra còn có vô số thứ để thích và ghét. Thánh nhân không còn thích ghét nên những giây phút ấy được các ngài xem là an lạc.

Muốn ăn mà không được ăn khác với trường hợp không muốn ăn và cũng không thấy đồ ăn.

Trường hợp 1: chẳng hạn như tôi hiện giờ, nếu mà nói về cảm giác ăn uống thì tôi rất là hạnh phúc, bởi vì hiện giờ tôi không có đói. Các vị tưởng tượng, khi mình không đói mà cái đĩa này hay đĩa kia nó bày ra thì nó ngán dữ lắm.

Khi mình không đói mà mình nhìn quanh bàn chỉ thấy chai nước, một cái hộp đựng bút, một cái máy đang giảng, một cái cuốn sổ tay thì quá là sung sướng. Nói về đồ ăn, hiện nó đang là zero đó, nhưng mà tôi thấy hạnh phúc là bởi vì thật sự trong bụng tôi không muốn ăn.

Trường hợp 2: tôi đang đói và tôi muốn ăn, nhưng nhìn quanh không có cái gì để ăn, thì tôi gọi đó là một bi kịch, là một tai nạn, là một thảm cảnh. Tôi nói hơi nặng nhưng đó là sự thật.

Kẻ phàm phu, khi đời sống không thấy cái gì để theo đuổi, không có gì để trốn chạy, không có gì để đấu tranh, không có gì để giành giật, không có gì để vượt thoát, kẻ phàm phu nghe như vậy họ thấy nó vô vị, nó chán nản.

Vì sao? Vì tận đáy sâu trong lòng của họ thì họ chưa bỏ được cái thích và ghét.

Còn thánh nhân, họ không còn cái gì để thích và ghét nữa. Tại sao? Là vì họ hiểu 4 đế: họ thấy mọi thứ là khổ; thích hay ghét

Cái gì cũng là thích, ghét trong khổ. Họ hiểu rõ ràng điều ấy bằng cái trí tuệ thánh nhân. Cho nên khi họ không còn thích hay không còn ghét thì họ nhìn mọi sự: một ngày không có gì thì ngày đó chính là ngày an lạc.

Ngài giải thích ở đây là khi hành trì lời của Ngài thì mình được chấm dứt các khổ đã đành, mà cũng nhờ hành trì lời của Ngài mà ta được an lạc. Ta an lạc không giống như phàm phu. Phàm phu hạnh phúc vì có được cái thích và tránh được cái ghét. Thánh nhân an lạc vì không còn gì để thích hay ghét. Hai cái này nó khác nhau xa lắm.

Cái kiểu hạnh phúc của phàm phu nó rất là mong manh. Bởi vì sao? Là vì nó còn dựa trên nền tảng của thích và ghét. Hễ còn thích, còn ghét thì sẽ có một lúc tránh không được cái ghét, là đương nhiên nó khổ. Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần là cái thích nó nằm ở đâu thì cái ghét nó nằm núp lùm bên cạnh đó, chứ không có xa. Bởi vì cứ nghe cha này thích mát mẻ là biết chả ghét cái chỗ nóng nực. Chả thích chỗ rộng rãi là chả kị chỗ chật chội. Cái đó là cái luật của vũ trụ, hai cái này không có rời nhau.

Cho nên cái hạnh phúc và đau khổ của phàm phu nó cứ dựa vào thích và ghét là chết rồi. Phàm phu hạnh phúc vì tránh được cái muốn tránh và có được cái mình muốn có. Thánh nhân họ an lạc vì họ không còn thích và ghét nữa; họ an lạc vì họ rảnh tay; cái an lạc của thánh nhân nó sạch sẽ và thoải mái hơn phàm phu. Phàm phu mình an lạc là vì sao? Là vì mình có cái gì đó cầm trên tay hoặc mình mới vừa liệng được cái gì đó từ bàn tay. Như vậy thì không được.

Tối thiểu cũng giúp ta sống tỉnh thức. Tỉnh thức với chánh niệm cho ra ba lợi ích:

Một, cơ hội chứng Thánh nhiều hơn người thất niệm.

Hai, sẵn sàng để chết lành.

Ba, kiểm soát được thiện ác bản thân.

Chúng ta vừa học xong bài kinh 243.

Mấy kinh sau rất là dễ, chẳng hạn như cái dáng nằm, cái cách nằm của mình; những hạng người đáng được dựng tháp; điều kiện tăng trưởng trí tuệ; bốn cách nói... Chủ nhật ta sẽ học phẩm Thắng Trí, bắt đầu từ kinh 251, sau khi điểm sơ nội dung loạt kinh vừa nhắc. Rất là mềm, bà con chỉ xem không cần giải thích, chỉ cần điểm sơ cho vui.

Sẵn đây nói cho bà con vui, không có lớp này thì bà con rất là lười, không có siêng mà đọc suốt từng bộ, từng bộ kinh. Thứ hai, thiếu siêng đã đành mà hiểu không được nó cũng nản. Còn khi bà con theo đuổi cái lớp này một năm, hai năm, dù nghe một cách thụ động giống như hút thuốc thụ động, secondhand smoke, mặc dù nó cũng độc như hút thuốc thật. Tôi ví dụ nó hơi khập khiễng, nhưng vì cái room này nó hơi trời ời thì ví dụ kiểu đó họ mới hiểu.

Nghe kiểu thụ động có nghĩa là nằm trên giường mình nghe rồi mình ngủ lúc nào thì mình ngủ. Có người ru mình bằng điệu ru của Phật Pháp, kệ nó, đi vào giấc ngủ với lời lành mà. Nhưng nếu không ngủ mà bà con nghe kiểu thụ động này trong một năm, hai năm, thì mười năm cũng hết kinh. Tương Ưng hết thì tôi sẽ giảng sang Trung Bộ. Trung Bộ xong thì tôi sẽ dành thời gian để nói về năm bộ sau đây: Cullaniddesa, Mahaniddesa, Patisambhidamagga, sơ giải của hai bộ Dhammasangani và Vibhanga.

Không biết là mình có đủ điều kiện không, chứ nếu mà được cái này rất là tốt. Đây là năm bộ sách đầu giường của tôi. Đầu giường ở đây có nghĩa là nhiều khi tôi giảng mà có chỗ gì cần tra lại thì tôi cũng quay trở vô để mà đọc. Bên Miến Điện họ xem ba cái

quyển: Patisambhidamagga, Dhammasangani và Vibhanga là kiến thức giáo lý bắt buộc cho một vị Sayadaw. Bởi vì khi tôi đọc các vị thì các Ngài đều trích dẫn vòng vòng chỉ có ba quyển này. Nói ra không khéo dễ bị hiểu lầm là Phật Pháp sao nghèo, chỉ có nhiều đây, thì không có phải. Đây là ba cái quyển gọi là chìa khóa để đi vào cái chỗ khác.

Nếu bà con có khả năng tự nghiên cứu thì quá tốt, nhưng mà ít ra cũng có người gợi ý cho mình. Tôi cũng từng nghe một cái gợi ý khác, có một câu hỏi: “Làm sao để có một cẩm nang, có một chìa khóa để nghiên cứu?”. Thì có một vị trả lời thế này: “Thăng Pháp Tập Yếu, Đức Phật và Phật Pháp, Thanh Tịnh Đạo”. Hai quyển Thăng Pháp Tập Yếu và Thanh Tịnh Đạo nếu vị nào đọc hiểu thì thôi các vị cũng dẹp cái lớp này luôn.

Sẵn đây tôi gợi ý có một website là Nền Tảng Phật Giáo rất đáng nghiên cứu, đều toàn gồm các công trình nghiên cứu tinh hoa của ngài Hộ Pháp Núi Dinh. Nếu các vị là mẹ ruột, cha ruột của tôi, là con, là em; nếu tôi là người đời mà quý vị là bà xã của tôi thì tôi cũng một lòng trước sau như một năn nỉ, van xin, cầu khẩn các vị phải đọc cho bằng được cái công trình dịch và soạn của Ngài Hộ Pháp. Chịu khó đọc, hoặc bà con tìm người nào có giọng đọc tốt nhờ họ ghi âm cho rồi nghe ra rả suốt. Vừa nghe cái đó mà vừa học các cái room này, nhưng mà không bỏ được mấy cuốn của Ngài Hộ Pháp.

Tôi nghi ngờ Phật chất của bất cứ người Việt Nam nào không đọc Ngài Hộ Pháp. Tôi chưa hề ăn cái gì của Ngài để mà tán tụng Ngài, mà Ngài cũng chẳng biết tôi là ai. Nếu mà Ngài có thương tôi thì Ngài cũng chẳng cho tôi được cái gì. Nhưng phải nói là tôi nghi ngờ cái Phật chất, nghĩa là người đó có vấn đề rất là nặng nên họ mới không đọc.

Chúc quý vị một ngày vui.